

CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẾN NĂM 2020

(Trích Thông báo Kết luận số 242-TB/TW ngày 15/4/2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020)

Thứ nhất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên (HS, SV), mở rộng quy mô giáo dục hợp lý.

Cần coi trọng cả ba mặt giáo dục: dạy làm người, dạy chữ, dạy nghề; đặc biệt chú ý giáo dục lý tưởng, phẩm chất đạo đức, lối sống, lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, giáo dục về Đảng. Ngăn chặn xu thế coi nhẹ giáo dục chính trị, tư tưởng, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, các biểu hiện tiêu cực trong hoạt động giáo dục. Quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục nhân cách, kỹ năng và phương pháp làm việc; nâng cao trình độ về ngoại ngữ tin học cho HS, SV; phát triển năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm cho thế hệ trẻ có đủ khả năng và bản lĩnh thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thế giới. Bồi dưỡng cho thanh, thiếu niên lòng yêu nước nồng nàn, tự hào, tự tôn dân tộc và khát vọng mãnh liệt về xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Phát triển quy mô hợp lý cả giáo dục đại trà và mũi nhọn, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có thể học tập suốt đời. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, kể cả những nghề thuộc lĩnh vực công nghệ cao. Mở rộng mạng lưới cơ sở dạy nghề, phát triển trung tâm dạy nghề quận huyện. Triển khai tích cực các chương trình đào tạo nghề cho HS dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Kết hợp chặt chẽ việc đào tạo nghề với việc phổ biến kiến thức kỹ thuật cho nông dân. Sớm điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về trình độ đào tạo, ngành nghề, dân tộc, vùng miền.

Đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, thực hiện phổ cập THCS một cách bền vững; củng cố kết quả xóa mù chữ, ngăn chặn tình trạng tái mù chữ. Làm tốt việc phân luồng, giáo dục hướng nghiệp. Phấn đấu giảm tỉ lệ HS lưu ban bỏ học.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ cho bậc học mầm non, bảo đảm hầu hết trẻ em trong độ tuổi được đi học mẫu giáo.

Rà soát và bổ sung cơ chế, chính sách, tổ chức phát hiện, bồi dưỡng nhân tài ngay từ bậc học phổ thông, đặc biệt ở bậc đại học. Khuyến khích phát triển, nâng cao chất lượng các trường THPT năng khiếu, các lớp đào tạo cử nhân khoa học tài năng. Chú trọng xây dựng một số trường, chuyên ngành đào tạo ĐH, CD, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng nhanh quy mô đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật lành nghề ở những lĩnh vực công nghệ cao, tiếp cận trình độ tiên tiến thế giới.

Thứ hai, đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp, vai trò của ngành giáo dục và đào tạo để phát triển sự nghiệp giáo dục.

Đổi mới căn bản chính sách sử dụng cán bộ theo hướng coi trọng phẩm chất và năng lực thực tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý, chú trọng quản lý chất lượng giáo dục. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm định chất lượng và giám sát các hoạt động giáo dục.

Chấn chỉnh, sắp xếp lại hệ thống các trường ĐH, CD; khắc phục tình trạng thành lập mới ở những nơi, những lĩnh vực không đủ điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng dạy, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đầu vào của SV; không duy trì các trường đào tạo có chất lượng kém. Thực hiện phân cấp, tạo động lực và tính chủ động của các cơ sở giáo dục. Tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường đi đôi với việc hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, bảo đảm sự giám sát của các cơ quan nhà nước, đoàn thể và xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong quản lý giáo dục ở các cấp.

Thực sự coi trọng vai trò của khoa học giáo dục. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục, giải quyết tốt những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình đổi mới giáo dục.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp và nội dung đào tạo của các trường và khoa sư phạm. Xây dựng một số trường sư phạm thực sự trở thành trường trọng điểm đủ sức làm đầu tàu cho cả hệ thống các cơ sở đào tạo GV. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất nâng cấp các trường, các khoa sư phạm. Không ngừng nâng cao chất lượng, bảo đảm đủ số lượng GV cho cả hệ thống giáo dục.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ.

Chuẩn hóa trong đào tạo, tuyển chọn, sử dụng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về vật chất và tinh thần để thu hút những người giỏi làm công tác giáo dục.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới chương trình, tạo chuyển biến mạnh mẽ về phương pháp giáo dục.

Rà soát lại toàn bộ chương trình và SGK phổ thông, sớm khắc phục tình trạng quá tải, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa khuyến khích đúng mức tính sáng tạo của người học; chuẩn bị kỹ việc xây dựng và triển khai thực hiện bộ chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng hiện đại, phù hợp và có hiệu quả. Đổi mới, hiện đại hóa chương trình giáo dục ĐH, giáo dục nghề nghiệp; chuyển mạnh từ đào tạo theo khả năng sang đào tạo theo nhu cầu xã hội. Thực hiện tốt đào tạo theo chế độ tín chỉ trong hệ thống giáo dục ĐH và giáo dục nghề nghiệp. Cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình các môn khoa học xã hội, nhân văn, nhất là các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bãi bỏ tình trạng độc quyền xuất bản và phát hành SGK của Nhà xuất bản Giáo dục.

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, khắc phục cơ bản lối truyền thụ một chiều. Phát huy phương pháp dạy học tích cực, sáng tạo, hợp tác; giảm thời gian giảng dạy lý thuyết, tăng thời gian tự học, tự tìm hiểu cho HS, SV; gắn bó chặt chẽ giữa học lý thuyết và thực hành, đào tạo gắn với nghiên cứu khoa học, sản xuất và đời sống.

Thứ năm, tăng cường nguồn lực cho giáo dục.

Tăng đầu tư nhà nước cho giáo dục và đào tạo; ưu tiên các chương trình mục tiêu quốc gia, khắc phục tình trạng bình quân, dàn trải.

Không ngừng đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục. Thực hiện tốt chủ trương xây dựng kí túc xá SV và nhà công vụ cho GV ở vùng khó khăn. Hoàn thiện và bổ sung cơ chế chính sách đối với trường ngoài công lập.

Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa giáo dục; Nhà nước có chính sách huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục và đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tích cực tham gia các hoạt động phát triển giáo dục. Xây dựng cơ chế quản lý, giám sát mọi nguồn đầu tư của xã hội cho giáo dục.

Đổi mới cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo nhằm góp phần quan trọng nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô và bảo đảm công bằng trong giáo dục; thực hiện chế độ học bổng, học phí và hỗ trợ học tập theo hướng học phí ở giáo dục mầm non, THCS và THPT phù hợp với điều kiện kinh tế ở từng địa bàn dân cư và hoàn cảnh hộ gia đình; học phí ở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục ĐH theo nguyên tắc chia sẻ chi phí đào tạo giữa Nhà nước và người học. Miễn học phí cho HS, SV gia đình chính sách, các hộ nghèo; giảm học phí cho HS, SV các hộ cận nghèo và hỗ trợ cho HS, SV các hộ có thu nhập rất thấp. Thực hiện tốt chủ trương cho HS học nghề, SV các gia đình có hoàn cảnh khó khăn được vay tiền ngân hàng để học.

Thứ sáu, bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục.

Nhà nước tập trung đầu tư cho các vùng khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước giảm sự chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng, miền. Thực hiện tốt chính sách cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ với việc bổ túc nâng cao trình độ cho đối tượng cử tuyển. Quan tâm đào tạo cán bộ vùng dân tộc (cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở). Tiếp tục phát triển hệ thống trường nội trú, bán trú, thực hiện tốt các chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho HS dân tộc thiểu số. Đặc biệt chú ý đến con thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và HS khuyết tật thông qua phát triển các loại quỹ khuyến học, khuyến tài trong các tổ chức xã hội, trong các cộng đồng dân cư.

(Xem tiếp trang 11)

trên từng vấn đề nghiên cứu, làm cho bài giảng trở thành lí thuyết khô cứng, mất đi khả năng, hướng dẫn hành động. Phương pháp giảng dạy, học tập còn lạc hậu, chủ yếu độc thoại một chiều, mang tính áp đặt tri thức, chưa chuyển sang phương pháp đối thoại, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học cùng tham gia kiến tạo bài giảng.

Mô hình QL TTGDCT cấp huyện hiện nay chưa được xây dựng thống nhất, mỗi nơi vận dụng và đưa ra những quy định khác nhau theo sự hiểu biết của mình để đáp ứng đòi hỏi của thực tế, dẫn tới nề nếp và chất lượng QL không đồng đều. Thực trạng trên đòi hỏi phải sớm xác định được một mô hình QL chung, khoa học sát thực và đồng bộ, với các yếu tố cấu thành mô hình QL hợp lí và khả thi, để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả ĐT, BD của TTGDCT cấp huyện.

Đội ngũ giảng viên (bán chuyên trách và kiêm chức) của các TTGDCT cấp huyện hiện nay, cơ bản đủ về số lượng, nhưng còn yếu về chất lượng. Đội ngũ giảng viên chưa được tiêu chuẩn hoá về trình độ và năng lực: còn gần 20% số giảng viên kiêm chức có trình độ trung cấp về chuyên môn, trên 60% giảng viên kiêm chức có trình độ trung cấp về lí luận chính trị, trên 70% giảng viên chưa qua ĐT, BD về phương pháp sư phạm. Vì vậy, có tình trạng giảng viên mạnh về mặt nào thì đi sâu vào mặt đó, thậm chí lúng túng trong việc giải quyết vấn đề hoặc biến bài giảng thành bài thông tin thời sự. Thực trạng đang đặt ra yêu cầu phải sớm có quy định về tiêu chuẩn giảng viên và tổ chức các lớp ĐT, BD giảng viên đạt chuẩn.

Cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu phục vụ cho giảng dạy, học tập ở các Trung tâm hiện nay chưa có hướng dẫn thống nhất mỗi nơi đều tự theo một cách thức khác nhau và nhìn chung còn lạc hậu so với mặt bằng giáo dục quốc gia, không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Vì vậy, cần phải xây dựng và thực thi một mô hình cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, tương xứng với yêu cầu ĐT, BD CBCS trong thời kì CNH, HĐH.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ đối với TTGDCT cấp huyện, đây là nhân tố quyết định, đồng thời là tiền đề cho Trung tâm có được một tổ chức nhân sự vững mạnh, được đầu tư thoả đáng, được các cấp, các ngành phối hợp đồng bộ...

TTGDCT cấp huyện có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc ĐT, BD chính trị cho đội ngũ CB,

là nhân tố quyết định để đưa các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống, thúc đẩy phát triển KT-XH, thực hiện CNH, HĐH đất nước.

Thực trạng đội ngũ CB ở cơ sở hiện nay, đặc biệt ở vùng núi còn nhiều khó khăn, còn nhiều hạn chế, bất cập về trình độ, năng lực để thực thi chức trách được giao. Nếu không sớm có kế hoạch ĐT, BD một cách tích cực và hiệu quả, thì đây sẽ là một trở ngại lớn cho quá trình phát triển. Điều đó cũng đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho các TTGDCT cấp huyện

Trước đòi hỏi của thực tiễn, các TTGDCT cấp huyện chỉ có thể hoàn thành tốt sứ mệnh của mình khi có bước đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ và được quan tâm đầu tư tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, vì mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hệ thống chính trị ở cơ sở. □

(1) **Hồ Chí Minh**, tập 5. NXB Chính trị quốc gia, H 1995.

Tài liệu tham khảo

1. Pháp lệnh về cán bộ công chức chính quyền cấp xã ở Việt Nam hiện nay - những vấn đề lí luận và thực tiễn.
2. Một số văn bản pháp quy quy định về cán bộ, công chức, viên chức.

Các nhiệm vụ, giải pháp...

(Tiếp theo trang 2)

Thứ bảy, tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo

Giáo dục trong thời kì hội nhập quốc tế càng cần phải bảo đảm phát triển bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng, phát huy tối đa nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước tiếp cận nền giáo dục tiên tiến thế giới. Mở rộng hợp tác đào tạo đa phương gắn với việc tăng cường công tác quản lí nhà nước.

Có cơ chế, chính sách thu hút các nguồn đầu tư nước ngoài cho giáo dục, nhất là lĩnh vực đào tạo ĐH, sau ĐH và dạy nghề; thu hút các nhà giáo, nhà khoa học giỏi người nước ngoài tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục ĐH, sau ĐH.

Thực hiện tốt việc đưa cán bộ, HS, SV có đạo đức và triển vọng đi đào tạo nước ngoài, chú trọng các ngành mà đất nước có nhu cầu bức thiết; đồng thời tăng cường quản lí, giúp đỡ việc học tập, sinh hoạt của lưu HS ở nước ngoài. □